

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu:

- Tên dự toán: Kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch năm 2025 tại các cơ sở sản xuất nước và trên mạng lưới – phần bổ sung theo quy định của TT số 52/2024/TT-BYT.
- Tên gói thầu: Kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch năm 2025 - bổ sung theo quy định của TT số 52/2024/TT-BYT.
- Mục đích thực hiện: Kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch tại các cơ sở sản xuất nước và trên mạng lưới năm 2025.
- Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (Dawaco).
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh thông thường, qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Không quá 180 ngày.

2. Mục tiêu công việc:

Kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch tại các cơ sở sản xuất nước và trên mạng lưới năm 2025 tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Y tế.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

- Việc thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch phải được thực hiện tại phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận được công nhận phù hợp với TCVN ISO/IEC 17025 còn hiệu lực.
- Phương tiện đo lường, thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định pháp luật hiện hành.

- Danh mục các thông số kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch, cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	TT	Thông số	Đơn vị
1	Antimon (Sb)	mg/L	31	Alachlor (C ₁₄ H ₂₀ ClNO ₂)	µg/L
2	Bari (Ba)	mg/L	32	Aldicarb (C ₇ H ₁₄ N ₂ O ₂ S)	µg/L
3	Bor tính chung cho cả Borat và axít Boric (B)	mg/L	33	Atrazine (C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L
4	Chromi (Cr)	mg/L	34	Carbofuran (C ₁₂ H ₁₅ NO ₃)	µg/L
5	Nickel (Ni)	mg/L	35	Chlordane (C ₁₀ H ₆ Cl ₈)	µg/L
6	Seleni (Se)	mg/L	36	Chlorotoluron (C ₁₀ H ₁₃ ClN ₂ O)	µg/L
7	Sulfua (Sulfide) (S ²⁻)	mg/L	37	DDT (C ₁₄ H ₉ Cl ₅) và các dẫn xuất	µg/L
8	1,1,1 - Trichloroethane (C ₂ H ₃ Cl ₃)	µg/L	38	Dichlorprop (C ₉ H ₈ Cl ₂ O ₃)	µg/L
9	1,2 - Dichloroethane (C ₂ H ₄ Cl ₂)	µg/L	39	Fenoprop (C ₉ H ₇ Cl ₃ O ₃)	µg/L
10	1,2 - Dichloroethene (C ₂ H ₂ Cl ₂)	µg/L	40	Isoproturon (C ₁₂ H ₁₈ N ₂ O)	µg/L
11	Carbon tetrachloride (CCl ₄)	µg/L	41	MCPA (C ₉ H ₉ ClO ₃)	µg/L
12	Dichloromethane (CH ₂ Cl ₂)	µg/L	42	Mecoprop (C ₁₀ H ₁₁ ClO ₃)	µg/L
13	Tetrachloroethene (C ₂ Cl ₄)	µg/L	43	Methoxychlor (C ₁₆ H ₁₅ Cl ₃ O ₂)	µg/L
14	Trichloroethene (C ₂ HCl ₃)	µg/L	44	Molinate (C ₉ H ₁₇ NOS)	µg/L
15	Benzene (C ₆ H ₆)	µg/L	45	Pendimethalin (C ₁₃ H ₁₉ N ₃ O ₄)	µg/L
16	Ethylbenzene (C ₈ H ₁₀)	µg/L	46	Permethrin (C ₂₁ H ₂₀ Cl ₂ O ₃)	µg/L
17	Styrene (C ₈ H ₈)	µg/L	47	Propanil (C ₉ H ₉ Cl ₂ NO)	µg/L
18	Toluene (C ₇ H ₈)	µg/L	48	Simazine (C ₇ H ₁₂ ClN ₅)	µg/L
19	Xylene (C ₈ H ₁₀)	µg/L	49	Trifluralin (C ₁₃ H ₁₆ F ₃ N ₃ O ₄)	µg/L
20	1,2 - Dichlorobenzene (C ₆ H ₄ Cl ₂)	µg/L	50	2,4,6 - Trichlorophenol (C ₆ H ₂ Cl ₃ OH)	µg/L
21	Monochlorobenzene (C ₆ H ₅ Cl)	µg/L	51	Bromat (BrO ₃ ⁻)	µg/L

TT	Thông số	Đơn vị	TT	Thông số	Đơn vị
22	Tổng Trichlorobenzene (C ₆ H ₃ Cl ₃)	µg/L	52	Formaldehyde (CH ₂ O)	µg/L
23	Acrylamide (C ₃ H ₅ NO)	µg/L	53	Dibromoacetonitrile (C ₂ HBr ₂ N)	µg/L
24	Epichlorohydrin (C ₃ H ₅ ClO)	µg/L	54	Dichloroacetonitrile (C ₂ HCl ₂ N)	µg/L
25	Hexachlorobutadiene (C ₄ Cl ₆)	µg/L	55	Trichloroacetonitrile (C ₂ Cl ₃ N)	µg/L
26	1,2- Dibromo - 3 chloropropane (C ₃ H ₅ Br ₂ Cl)	µg/L	56	Acid dichloroacetic (C ₂ H ₂ Cl ₂ O ₂)	µg/L
27	1,2 - Dichloropropane (C ₃ H ₆ Cl ₂)	µg/L	57	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L
28	1,3- Dichloropropene (C ₃ H ₄ Cl ₂)	µg/L	58	Asen (Arsenic) (As) – Nhóm A	mg/L
29	2,4-D (C ₈ H ₆ Cl ₂ O ₃)	µg/L	59	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) – Nhóm A	mg/L
30	2,4 - DB (C ₁₀ H ₁₀ Cl ₂ O ₃)	µg/L			

- Yêu cầu chung đối với phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm thông số chất lượng nước sạch: Thực hiện theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt – QCVN 01-1:2024/BYT do Bộ Y tế ban hành theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024.

+ Riêng đối với các phương pháp phân tích chưa được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025, phòng thử nghiệm hoặc tổ chức chứng nhận phải đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định của Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

+ Tất cả các phương pháp phân tích phải có giới hạn định lượng phù hợp (riêng đối với phương pháp lĩnh vực hoá học phải có giới hạn định lượng thấp hơn hoặc bằng) với ngưỡng giới hạn cho phép theo quy định của QCVN 01-1:2024/BYT.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo nội dung quy định tại mục 3 Chương V của E-HSMT, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận: Cung cấp kèm E-HSDT *Bảng kê chi tiết* gồm: **Phương pháp phân tích** (nêu rõ phương pháp đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025 chưa, nếu chưa được công nhận thì phải đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị

định số 107/2016/NĐ-CP) và **giới hạn định lượng** của phương pháp đối với các thông số nêu tại mục 3 Chương V của E-HSMT. Phương pháp phân tích phải có giới hạn định lượng phù hợp (riêng đối với phương pháp lĩnh vực hoá học phải có giới hạn định lượng thấp hơn hoặc bằng) với ngưỡng giới hạn cho phép theo quy định của QCVN 01-1:2024/BYT.

2. Kế hoạch công tác:

- Thời gian thực hiện: Không quá 180 ngày.

- Kế hoạch lấy mẫu cụ thể như sau:

+ Đối với 57 thông số nhóm B:

Dự kiến thời gian thực hiện: Tháng 12/2025;

Nhà thầu tiến hành lấy 39 mẫu nước sạch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và vận chuyển về phòng thí nghiệm của nhà thầu; thời gian thực hiện lấy mẫu không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ lúc nhà thầu nhận được yêu cầu. Khi nhà thầu lấy mẫu, phải có sự chứng kiến xác nhận của LabDawaco; tại vị trí lấy mẫu, nhân viên LabDawaco có trách nhiệm đo 02 thông số Clo dư và pH ngay tại hiện trường và ghi nhận kết quả đo vào Biên bản lấy mẫu có ký xác nhận hai bên. Chi phí vận chuyển mẫu đã bao gồm trong giá chào.

+ Đối với 02 thông số nhóm A gồm Asen và Amoni:

Dự kiến thời gian thực hiện: 5 tháng đầu năm 2026 với số lượng mẫu là 39 mẫu/tháng (195 mẫu/5 tháng).

LabDawaco lấy mẫu định kỳ hàng tháng (39 mẫu/tháng) và bàn giao ngay trong ngày lấy mẫu cho nhà thầu (không quá 7 lần gửi mẫu/tháng). Nhà thầu tiếp nhận mẫu tại LabDawaco (địa chỉ: Nhà máy nước Cầu Đỏ, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng) và vận chuyển về phòng thí nghiệm của nhà thầu. Chi phí vận chuyển mẫu đã bao gồm trong giá chào.

- Nhà thầu thực hiện thử nghiệm và trả kết quả trong vòng **10 ngày** làm việc kể từ ngày lấy mẫu, trường hợp Bên mời thầu cần đáp ứng khẩn cấp thì Nhà thầu phải trả kết quả trong vòng 05 ngày (kể cả thứ 7, chủ nhật, ngày lễ).

5. Quy định về kiểm tra, thử nghiệm và trả kết quả thử nghiệm các mẫu nước thành phẩm:

- Nhà thầu phải lưu mẫu tối thiểu 07 ngày kể từ ngày Bên mời thầu nhận kết quả thử nghiệm.

- *Phiếu kết quả thử nghiệm* phải thể hiện đầy đủ các thông tin gồm: Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, ngày lấy mẫu, ngày trả kết quả,

th

tên thông số, đơn vị, phương pháp phân tích, số hiệu tiêu chuẩn, kết quả phân tích, ngưỡng giới hạn cho phép. Trường hợp kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện (hoặc giới hạn định lượng) của phương pháp thì trên *Phiếu kết quả thử nghiệm* ghi rõ giới hạn phát hiện (hoặc giới hạn định lượng) của phương pháp.

- Trường hợp có bất kỳ thông số thử nghiệm nào không đáp ứng yêu cầu về phương pháp phân tích và tiêu chuẩn áp dụng để thử nghiệm các thông số được quy định tại mục 3 Chương V của E-HSMT thì Nhà thầu phải thử nghiệm lại đối với thông số đó, đồng thời chi phí thử nghiệm phát sinh do Nhà thầu có trách nhiệm chi trả.